

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 8 năm 2014

Số: 1092/QĐ-GDĐT-GDCN&ĐH

TRƯỜNG CDKT LÝ TỰ TRỌNG	
CV	Số: 844
ĐẾN	Ngày: 23/8/2014
	Chuyên: Ban Kỹ thuật
	Lưu hồ sơ: 1092

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt hệ thống chỉ tiêu chiến lược phát triển
của trường cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 115/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

Căn cứ thông tư liên tịch số 47/2011/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 19 tháng 10 năm 2011 của Bộ Giáo dục - Đào tạo và Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và biên chế của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 16/2013/QĐ-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1443/QĐ-UBND ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Ủy ban nhân dân thành phố về phê duyệt Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng giáo dục đại học, cao đẳng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 – 2015;

Căn cứ Quyết định số 616/QĐ-GDĐT-GDCN&ĐH ngày 05 tháng 6 năm 2013 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tp. Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy trình phê duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển các trường Chuyên nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh;

Xét Kế hoạch chiến lược phát triển của trường cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng giai đoạn 2013 – 2015, tầm nhìn 2020;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm duyệt Kế hoạch chiến lược phát triển trường cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Phê duyệt hệ thống chỉ tiêu chiến lược phát triển của trường cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng giai đoạn 2013 – 2015, tầm nhìn 2020 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch chiến lược) với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. CÁC NỘI DUNG CHÍNH

1.1 Tầm nhìn

Đến năm 2020, Trường cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng sẽ trở thành trường tiên tiến cấp khu vực của ngành giáo dục chuyên nghiệp thành phố về đào tạo kỹ thuật, có uy tín ngang tầm với các cơ sở đào tạo đại học của quốc gia.

1.2 Sứ mệnh

Là nơi chuyên đào tạo nguồn năng lực kỹ thuật có uy tín và chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội, của doanh nghiệp và góp phần phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Thành phố Hồ Chí Minh và cả nước.

Là nơi kết hợp đào tạo với thực hiện nghiên cứu và chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học về lĩnh vực đào tạo nghề nghiệp và công nghệ kỹ thuật cho xã hội.

1.3 Các giá trị

- Tri thức
- Sáng tạo
- Phát triển
- Bền vững

1.4 Quan điểm phát triển – Triết lý phát triển

1.4.1 Quan điểm phát triển

Trường cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng đã nhận diện quan điểm phát triển của trường dựa trên ba nhân tố: đào tạo cao đẳng kỹ thuật – nghiên cứu khoa học – hợp tác với doanh nghiệp. Đây chính là luận cứ đặc biệt quan trọng phản ánh mối quan hệ gắn bó chặt chẽ của quan điểm phát triển nhà trường với tầm nhìn và sứ mệnh của trường, gồm: đào tạo nguồn nhân lực kỹ thuật cho thành phố; nghiên cứu khoa học phục vụ quá trình đào tạo cập nhật kỹ thuật và công nghệ mới; liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp để đáp ứng đào tạo theo nhu cầu xã hội.

1.4.2 Triết lý phát triển

Triết lý phát triển của trường là: “*Kiến tạo cơ hội để phát triển bền vững*”.

Mỗi thành viên trong nhà trường, từ cán bộ quản lý, giảng viên, nhân viên đến học sinh sinh viên được tạo cơ hội để phát triển năng lực, tri thức, kỹ năng và các phẩm chất cần thiết cho cuộc sống trong thế giới hiện đại. Các yếu tố này không tự nhiên mà có, chúng phải được mọi thành viên trong nhà trường chung sức xây dựng. Do vậy, triết lý “*Kiến tạo cơ hội để phát triển bền vững*” là định hướng xuyên suốt các hoạt động của nhà trường. Mọi người đến làm việc, học tập tại trường cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng đều có

trách nhiệm cùng nhau tạo cơ hội để cùng đưa nhà trường phát triển nhanh, mạnh và bền vững.

1.5 Hệ thống chỉ tiêu chiến lược phát triển

TT	Tiêu chí	Chỉ tiêu	
		Giai đoạn 2013 – 2015	Giai đoạn 2016 – 2020
1	Loại hình, cấp đào tạo	Đa cấp, đa hệ, đa ngành	
2	Quy mô đào tạo	5.378	6.100
3	Ngành đào tạo mũi nhọn	Công nghệ kỹ thuật Cơ khí	Công nghệ kỹ thuật Ô tô và Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử
4	Nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế	- 06 đề tài NCKH cấp thành phố; - 49 Hội thảo khoa học, báo cáo chuyên đề cấp Khoa; - 07 Hội thảo khoa học cấp trường; - 27 bài báo đăng trên tạp chí khoa học và kỷ yếu hội thảo trong nước và nước ngoài; - 80% giảng viên có khả năng giao tiếp bằng tiếng nước ngoài. 80% cán bộ quản lý có trình độ thạc sĩ, tiến sĩ, sử dụng thành thạo 01 ngoại ngữ trong giao tiếp và làm việc với khách quốc tế; - 01 ngành liên kết đào tạo quốc tế;	
5	Đảm bảo chất lượng đào tạo	- Năm 2015 đăng ký đánh giá ngoài lần 1 (giai đoạn 2011 – 2015); - Năm 2020 thực hiện việc tái kiểm định sau 05 năm (giai đoạn 2015 – 2020); - Năm 2015 hoàn thành kiểm định chất lượng chương trình ngành trọng điểm Công nghệ kỹ thuật Ô tô; - Năm 2020 hoàn thành kiểm định chất lượng các chương trình trọng điểm Công nghệ kỹ thuật Cơ khí; Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử và Công nghệ Thông tin;	
6	Phát triển đội ngũ	297 CB-GV-NV (85 Thạc sĩ)	328 CB-GV-NV (08 Tiến sĩ và 165 Thạc sĩ)
7	Phát triển cơ sở vật chất	- Tăng cường sản xuất phục vụ đào tạo tại cơ sở chính để đảm bảo quy mô đào tạo. - Tăng cường đầu tư trang thiết bị phục vụ các ngành đào tạo mũi nhọn.	Tiếp nhận và xây dựng cơ sở 02 tại Huyện Củ Chi.

II. CÁC NHÓM CHIẾN LƯỢC VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

2.1 Nhóm chiến lược “Phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học và đảm bảo chất lượng”

2.1.1 Chiến lược phát triển đào tạo

a. Mục tiêu

- Nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội;
- Đổi mới toàn diện, căn bản chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo theo hướng hiện đại tiếp cận với trình độ các trường đại học, cao đẳng có uy tín trong nước và khu vực, tiến tới hoàn thiện đào tạo theo hệ thống tín chỉ ở tất cả các bậc đào tạo và các chương trình đào tạo của Trường.
- Nâng cao chất lượng đào tạo, đảm bảo việc đào tạo những cán bộ kỹ thuật có kiến thức vững vàng, có kỹ năng nghề nghiệp thành thạo và trình độ tư duy sáng tạo, được các cơ sở tiếp nhận đánh giá tốt. Đặc biệt 3 ngành mũi nhọn là ngành Công nghệ kỹ thuật Cơ khí; Công nghệ kỹ thuật Ô tô; Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử phải đáp ứng nhu cầu xã hội về số lượng và chất lượng.

b. Cơ cấu ngành, nội dung, chương trình đào tạo

- Duy trì và đảm bảo chất lượng với các ngành và chuyên ngành đã có, tập trung phát triển 3 ngành mũi nhọn là: Công nghệ kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ kỹ thuật Ô tô; Công nghệ kỹ thuật Điện – Điện tử. Mở các chuyên ngành đào tạo mới theo nhu cầu phát triển của xã hội như: ngành Điện tử viễn thông, Thiết kế thời trang.
- Nội dung, chương trình đào tạo bám sát khung chương trình chung do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, đáp ứng được nhu cầu của quá trình phát triển giáo dục các cấp. Học sinh - sinh viên tốt nghiệp ra trường đảm bảo về trình độ kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ, có khả năng thích ứng nhanh thị trường lao động.
- Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình đào tạo theo hướng chuẩn hoá - hiện đại hoá phù hợp với phương thức tổ chức quản lý đào tạo. Hoàn thiện phương thức tổ chức, quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ từ năm 2015.

c. Giải pháp thực hiện

- Tăng cường công tác chính trị tư tưởng cho học sinh sinh viên thông qua công tác giảng dạy và các hoạt động ngoại khóa;
- Xây dựng văn hóa học đường;
- Đổi mới công tác quản lý học sinh sinh viên;
- Hoàn thiện văn bản quản lý học sinh sinh viên;
- Xây dựng qui định việc đánh giá quản lý giáo dục: Học sinh sinh viên tham gia đánh giá công tác giảng dạy của giảng viên;
- Đa dạng hóa các loại hình tư vấn tâm lý, nghề nghiệp cho học sinh sinh viên;
- Phối hợp với gia đình học sinh, sinh viên, địa phương, doanh nghiệp. . . trong công tác đào tạo, giáo dục, bồi dưỡng kỹ năng sống cho học sinh sinh viên;

- Thu thập ý kiến của các nhà tuyển dụng, thông qua đánh giá của học sinh sinh viên và ý kiến phản hồi của cựu học sinh sinh viên để rút kinh nghiệm và nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo của trường.

2.1.2 Chiến lược phát triển nghiên cứu khoa học

a. Mục tiêu

- Tăng số lượng và chất lượng đề tài khoa học công nghệ các cấp, đẩy mạnh các nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ đặc biệt là lĩnh vực giáo dục kỹ thuật. Phần đầu đến năm 2015 có hơn 47% cán bộ giảng dạy đạt trình độ sau đại học và 80% Thạc sĩ trở lên chủ trì ít nhất 1 đề tài nghiên cứu khoa học, 70% cán bộ giảng dạy tham gia nghiên cứu khoa học.
- Phần đầu đến năm 2015: tham gia 2 đề tài khoa học công nghệ cấp Bộ và Sở; ít nhất mỗi năm có 40% giảng viên có đề tài khoa học công nghệ cấp trường.

b. Định hướng phát triển nghiên cứu khoa học

- Ứng dụng công nghệ thông tin quản lý đề tài khoa học công nghệ, xây dựng cơ sở dữ liệu khoa học và công nghệ, đăng ký hồ sơ và tư vấn trực tuyến.
- Xây dựng tập san nội bộ nhằm tạo điều kiện cho giảng viên viết bài báo khoa học, trao đổi kinh nghiệm quản lý, tuyên truyền về vấn đề sở hữu trí tuệ; Khuyến khích cán bộ giảng dạy tham gia viết báo; Đưa hoạt động chuyên đề khoa học cấp khoa thành sinh hoạt thường kỳ với 50% cán bộ giảng dạy có ít nhất một báo cáo.
- Nghiên cứu mô hình quản lý tổng thể TQM để nâng cao chất lượng hoạt động khoa học công nghệ; cải tiến phương pháp đánh giá kết quả các đề tài nghiên cứu khoa học theo các chủ đề của đề tài.
- Mở rộng quan hệ quốc tế, tranh thủ sự giúp đỡ của các tổ chức khoa học, các trường đại học ở nước ngoài.
- Thực hiện tốt việc gắn kết giữa đào tạo với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; xây dựng và phát triển mô hình liên kết giữa nhà trường với doanh nghiệp.

c. Giải pháp thực hiện

- Bố trí tối thiểu 1% ngân sách nhà nước hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Nghị quyết số 14/2005/NQ-CP ngày 02 tháng 11 năm 2005 của Chính phủ về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 – 2020.
- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất theo định hướng đáp ứng cho giảng viên nghiên cứu khoa học và hỗ trợ nâng cao năng lực sáng tạo cho giảng viên.
- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học giáo dục: khuyến khích nghiên cứu đổi mới phương pháp giảng dạy phù hợp với đào tạo theo học chế tín chỉ và phù hợp với xu thế xã hội học tập; nghiên cứu ứng dụng công nghệ eLearning trong dạy học; Xây dựng đề án nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học cho giảng viên;

- Hoàn thiện và tăng cường cơ chế quản lý, đề xuất các biện pháp khuyến khích, vừa khuyến khích vừa bắt buộc giảng viên thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học; Khuyến khích, huy động và tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để giảng viên có năng lực tham gia đề tài cấp Bộ, cấp Thành phố.

- Định kỳ thanh tra, kiểm tra, tổng kết, đánh giá kết quả và hiệu quả hoạt động khoa học công nghệ của trường; Xét khen thưởng các đơn vị, cá nhân có thành tích xuất sắc trong nghiên cứu khoa học và xử lý vi phạm theo quy định hiện hành.

2.1.3 Chiến lược đảm bảo chất lượng

a. Các điều kiện đảm bảo chất lượng

- Nhà trường đảm bảo phần đầu đạt chuẩn về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo, gồm:

- Điều kiện về đội ngũ cán bộ giảng dạy và phục vụ giảng dạy (số lượng, chất lượng, trình độ đội ngũ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, khả năng nghiên cứu khoa học và tham gia hợp tác quốc tế của đội ngũ);

- Điều kiện về cơ sở vật chất (số phòng học, số xưởng thực hành, diện tích đất, diện tích xây dựng, máy móc thiết bị...theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo);

- Điều kiện về tài chính (bảo đảm các nguồn thu của nhà trường đủ cung cấp cho các hoạt động theo mục tiêu phát triển đã xác định);

- Điều kiện về chất lượng đào tạo: Bảo đảm các điều kiện về 3 công khai, các chỉ số về quy mô, hiệu suất đào tạo.

b. Các biện pháp nâng cao chất lượng

- Xây dựng “văn hóa chất lượng”, “văn hóa tổ chức” của nhà trường để tạo nên hệ thống giá trị của mỗi đơn vị, tác động đến quá trình khắc phục, điều chỉnh, cải tiến nâng cao chất lượng, quyết định sự thành công trong việc thực hiện mục tiêu sứ mạng của nhà trường, khẳng định chất lượng đào tạo;

- Xây dựng, thành lập các Ban đảm bảo chất lượng tại từng đơn vị;

- Xây dựng các quy trình đảm bảo chất lượng bên trong;

- Đánh giá nội bộ 1 – 2 lần/năm ở từng đơn vị về đảm bảo chất lượng;

- Tổ chức xây dựng Sổ tay chất lượng theo từng ngành nghề đào tạo;

- Tiến hành kiểm định chất lượng chương trình đào tạo theo từng ngành nghề.

c. Các hoạt động đảm bảo chất lượng

❖ Lấy ý kiến người học

- Hàng năm tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của HSSV về môn học ngay sau khi hoàn thành môn học.

- Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của HSSV vừa tốt nghiệp về chương trình đào tạo trong Lễ tốt nghiệp của từng khóa.

- Tổ chức lấy ý kiến phản hồi của HSSV đã tốt nghiệp đang lao động tại các doanh nghiệp về chương trình đào tạo.

❖ *Lấy ý kiến nhà tuyển dụng về người học và chương trình đào tạo*

- Thực hiện khảo sát ý kiến của các doanh nghiệp về người học và chương trình đào tạo trước khi kết thúc thực tập tốt nghiệp tại doanh nghiệp.

- Định kỳ tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của nhà tuyển dụng về người học và chương trình đào tạo bằng nhiều hình thức như tổ chức ngày hội việc làm...

- Mỗi học kỳ, nhà trường tổ chức hội nghị, tọa đàm để trao đổi với các nhà tuyển dụng để nhận ý kiến phản hồi về chất lượng đào tạo nhân lực kỹ thuật của trường trong mối tương quan với lao động các chuyên ngành khác khi tham gia thị trường lao động. Thông qua các tọa đàm, tập trung ý kiến của nhà tuyển dụng về việc đổi mới chương trình đào tạo, về phương pháp giảng dạy (lấy người học làm trung tâm, theo hướng giải quyết vấn đề) nhằm giúp sinh viên năng động, sáng tạo, phát huy tính tự học hiệu quả, khai thác và vận dụng công nghệ thông tin tốt, phục vụ tối đa cho công việc của sinh viên sau này.

- Qua các hội nghị và tọa đàm, tổng hợp ý kiến các nhà tuyển dụng về một số khó khăn mà sinh viên của trường gặp phải khi tham gia thị trường lao động như hạn chế về kỹ năng mềm, kỹ năng tìm việc, cọ xát với thực tế, tác phong công nghiệp và định hướng công việc, để điều chỉnh chương trình đào tạo và hoạt động ngoại khóa phù hợp cho sinh viên.

- Thông qua các hội nghị và tọa đàm, các giao lưu và liên hệ của nhà trường với các nhà tuyển dụng, tìm các doanh nghiệp sẵn lòng hỗ trợ trí lực và vật lực cho các hoạt động trang bị kỹ năng mềm, hỗ trợ chỗ thực tập tốt nghiệp và việc làm cho sinh viên, giúp rút ngắn khoảng cách giữa nhu cầu của nhà tuyển dụng và chất lượng đào tạo của trường.

- Những ý kiến phản hồi mang tính xây dựng của các nhà tuyển dụng sẽ là cơ sở để nhà trường xây dựng, nâng cao chất lượng toàn diện để trở thành đơn vị đào tạo nhân lực kỹ thuật có chất lượng, phục vụ tốt nhiều lĩnh vực trong xã hội.

❖ *Lấy ý kiến giáo viên về chương trình đào tạo*

- Tổ chức thực hiện việc lấy ý kiến phản hồi của giảng viên ngay sau khi hoàn thành môn học.

- Tổ chức hội nghị định kỳ từ cấp tổ, khoa để rà soát nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo của trường, lấy ý kiến của giảng viên để điều chỉnh chương trình đào tạo, để hoạch định sự thay đổi tỷ trọng các khối kiến thức trong cấu trúc chương trình đào tạo.

- Tổ chức hội nghị định kỳ lấy ý kiến phản hồi của các tổ chức giáo dục để bổ sung, điều chỉnh chương trình.

- Văn bản/ ý kiến của lãnh đạo về điều chỉnh chương trình

❖ *Hoạt động tự đánh giá theo bộ tiêu chuẩn*

- Thực hiện Công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục lần thứ II (giai đoạn 2011-2015).
- Thực hiện Công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục lần thứ III (giai đoạn 2016-2020).
- Thực hiện Công tác Kiểm định Chất lượng Chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của cơ quan có thẩm quyền ban hành.

❖ *Xử lý các ý kiến và xây dựng chính sách đảm bảo chất lượng*

Tổ chức khảo sát, thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau; phân tích, thống kê thông tin thu thập được theo từng chủ đề, từ đó xây dựng

- Chính sách và qui trình đảm bảo chất lượng;
- Hệ thống giám sát;
- Định kỳ rà soát các hoạt động cốt lõi;
- Đảm bảo chất lượng hoạt động đánh giá người học;
- Đảm bảo chất lượng đội ngũ;
- Đảm bảo chất lượng hệ thống cơ sở vật chất;
- Đảm bảo chất lượng hoạt động hỗ trợ người học;
- Tự đánh giá;
- Kiểm toán nội bộ;
- Hệ thống thông tin;
- Sổ tay chất lượng;

2.2 Nhóm chiến lược “Phát triển đội ngũ”

a. Mục tiêu

- Xây dựng đội ngũ cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý và nhân viên có chuyên môn cao, đạo đức tốt, đoàn kết và gắn bó với trường. Thường xuyên tăng cường chất lượng đội ngũ qua các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tham quan, liên kết đào tạo..., phát huy cao nhất năng lực của đội ngũ đáp ứng yêu cầu quản lý đào tạo theo hệ thống tín chỉ.
- Xây dựng đội ngũ cận bộ viên chức, đặc biệt là đội ngũ cán bộ giảng dạy đủ về số lượng, mạnh về trình độ, giỏi về chuyên môn cả lý thuyết và thực hành cùng kinh nghiệm thực tế, có đủ năng lực về ngoại ngữ và tin học để tiếp cận với những công nghệ hiện đại, có khả năng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế, có phẩm chất và trách nhiệm của nhà giáo, gắn bó và hết lòng vì sự nghiệp giáo dục, phù hợp với xu hướng phát triển của các trường đại học – cao đẳng tiên tiến trên thế giới.

– Đảm bảo tỷ lệ giảng viên/sinh viên theo chuẩn quy định. Đào tạo đội ngũ kế cận có đủ đức đủ tài, đảm bảo sự kế thừa và phát triển vững chắc, thực hiện tốt mục tiêu chiến lược phát triển của trường.

– Bố trí, sắp xếp, bổ sung, cân đối nguồn nhân lực cho việc sử dụng đội ngũ một cách tối ưu nhất; bố trí công việc đúng với khả năng của từng người, tạo điều kiện để cá nhân có thể phát huy cao nhất sở trường của mình.

b. Nhu cầu về số lượng và chất lượng đội ngũ

❖ Nhu cầu về số lượng

– Phân đấu tổng số cán bộ viên chức đến năm 2015 là 356 người, trong đó có 182 giảng viên, 59 giáo viên trung học phổ thông, 115 cán bộ, nhân viên. Tỷ lệ sinh viên trên một giảng viên quy đổi đạt 25,86;

– Phân đấu tổng số cán bộ viên chức đến năm 2020 là 387 người, trong đó có 193 giảng viên, 59 giáo viên trung học phổ thông, 135 cán bộ, nhân viên. Tỷ lệ sinh viên trên một giảng viên quy đổi đạt 24,75.

❖ Nhu cầu về chất lượng

– Củng cố và xây dựng đội ngũ cán bộ viên chức có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với tiêu chuẩn ngạch bậc, chức danh đảm nhiệm. Thực hiện tốt các chỉ số đo lường đảm bảo đội ngũ cán bộ giảng dạy có năng lực giảng dạy tốt nhất.

– Dự kiến số giảng viên đến năm 2015 là 182 người, hơn 47% giảng viên đạt trình độ sau đại học, trong đó có 0,55% tiến sĩ; 40% giảng viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và giao tiếp bằng tiếng nước ngoài.

– Phân đấu đến năm 2020 số giảng viên là 193 người, gần 90% giảng viên đạt trình độ sau đại học, trong đó có 4,15% tiến sĩ; 70% giảng viên có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy và giao tiếp bằng tiếng nước ngoài.

– Chú trọng các phương pháp đánh giá hợp lý hoạt động giảng dạy của giảng viên; chú trọng triển khai đổi mới phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kết quả học tập của người học. Đánh giá chất lượng của đội ngũ cán bộ giảng viên thông qua: khối lượng giờ giảng đảm nhận, số lượng và chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học, các tài liệu, giáo trình biên soạn, quỹ thời gian dành cho học tập, nghiên cứu khoa học, tự đào tạo, thông qua đánh giá của sinh viên đối với giảng viên, đảm bảo đánh giá khoa học, chính xác.

c. Giải pháp phát triển đội ngũ

– Thực hiện việc tính toán số lượng tuyển mới giảng viên cho các khoa, bộ môn. Trên cơ sở chỉ tiêu được giao, các khoa, bộ môn lập kế hoạch chi tiết, cụ thể để tuyển chọn đảm bảo số lượng, chất lượng.

– Có chính sách thu hút, ưu đãi cán bộ từ các nguồn ngoài trường. Có chính sách quan tâm bồi dưỡng, ưu đãi đội ngũ cán bộ hiện có và chủ động xây dựng phát triển đội ngũ cán bộ kế cận.

– Xây dựng và thực hiện đề án phát triển đội ngũ cán bộ giảng dạy trẻ, hàng năm lựa chọn các giảng viên trẻ để bồi dưỡng, đào tạo, phần đầu đến năm 2018 có 4 Tiến sĩ và 135 Thạc sĩ là giảng viên cơ hữu, năm 2020 có 8 Tiến sĩ và 165 Thạc sĩ là giảng viên cơ hữu, chọn giảng viên đi học tiếp nghiên cứu sinh và chương trình đào tạo sau Tiến sĩ từ nguồn đào tạo này. Có chính sách kèm cặp, giúp đỡ các giảng viên trẻ để họ nhanh chóng trưởng thành. Tạo điều kiện cho các giảng viên trẻ đi học tập, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước. Gắn nhiệm vụ nghiên cứu khoa học với yêu cầu bồi dưỡng cán bộ, giảng viên.

– Đảm bảo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cho cán bộ giảng dạy, cán bộ quản lý có hiệu quả.

– Tăng cường công tác quản lý, giáo dục cán bộ; Thực hiện có nề nếp, hiệu quả yêu cầu đánh giá cán bộ, giảng viên; Chủ động đào thải các cán bộ, giảng viên không đủ tiêu chuẩn.

2.3 Nhóm chiến lược “Phát triển cơ sở vật chất”

a. Mục tiêu phát triển cơ sở vật chất

– Tập trung đầu tư những công trình trọng điểm để đưa vào sử dụng bao gồm: Nhà xưởng, lớp học, phòng thực hành, phòng làm việc và cơ sở hạ tầng kỹ thuật phần đầu đến năm 2018 hoàn thành các công trình xây dựng tại cơ sở 390 Hoàng Văn Thụ, phường 04, quận Tân Bình. Từng bước xây dựng Phân hiệu Củ Chi phần đầu đến năm 2020 cơ bản xây dựng được các hạng mục: Khu Hành chính + lớp học, khu nhà xưởng thực hành, khu thư viện, khu ký túc xá, khu thể dục và thể thao, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và thảm cỏ, cây xanh.

– Từng bước phần đầu đến năm 2020 tất cả các phòng học lý thuyết có diện tích sử dụng từ $67m^2 \div 70m^2$; Các giảng đường có diện tích sử dụng từ $150m^2 \div 250m^2$ có sức chứa từ 130 ÷ 200 HSSV, có từ 3 ÷ 5 giảng đường có diện tích sử dụng $> 400m^2$; Các phòng thí nghiệm có diện tích sử dụng từ $> 100m^2$; Các xưởng thực tập chuyên ngành thực tập Cơ khí, Động lực có diện tích sử dụng từ $255m^2 \div 400m^2$; Các xưởng thực tập chuyên ngành thực tập Điện – Điện tử, Điện lạnh, Công nghệ may thời trang có diện tích sử dụng từ $150m^2 \div 200m^2$. Trung tâm truyền thông Thư viện phải đạt được diện tích $> 3000m^2$.

– Đầu tư trang thiết bị máy móc và đồ dùng dạy học đủ, đồng bộ và hiện đại phù hợp với sự đổi mới chuyển đổi hình thức đào tạo từ niên chế sang đào tạo theo tín chỉ, nhằm mục đích nâng cao trình độ tay nghề cho đội ngũ kỹ thuật đáp ứng yêu cầu phát triển của thành phố trong giai đoạn mới.

Mục tiêu phát triển thư viện:

– Xây dựng hệ thống thông tin cho Thư viện là một nhiệm vụ cấp bách, đồng thời cũng là một mục tiêu lâu dài nhằm phục vụ tốt hơn cho hoạt động của Thư viện, giúp Thư viện trường phù hợp và đạt chuẩn trong thời đại mới, thời đại của công nghệ và kinh tế tri thức. Xây dựng hệ thống thông tin cho Thư viện cần được tiến hành từng bước, đảm bảo

đưa vào vận hành ngay, phát huy hiệu quả những phần đã được xây dựng, tiến tới gắn kết tất cả các hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, hoạt động xã hội ... của tất cả cộng đồng bạn đọc của Thư viện, từ sinh viên, giảng viên, cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý hành chính ... vào một khối thống nhất.

– Thư viện đặt mục tiêu xây dựng hệ thống thông tin hoàn chỉnh, bao gồm các hệ thống phục vụ các đối tượng trong Thư viện: sinh viên, nghiên cứu sinh, cán bộ giảng dạy, cán bộ nghiên cứu, cán bộ quản lý ..., phục vụ các mặt hoạt động và các nhu cầu thông tin khác nhau của các đối tượng nêu trên. Các phân hệ của hệ thống thông tin thích hợp đảm bảo thu thập, lưu trữ, xử lý và cung cấp thông tin cho tất cả các hoạt động diễn ra trong Thư viện.

b. Nhu cầu về cơ sở vật chất

– Phần đầu xây dựng mới đến năm 2020 và những năm tiếp theo đạt diện tích sàn xây dựng mới về nhà xưởng, lớp học tại 2 cơ sở là 117.158m². Trong đó:

- Tại cơ sở I (số 390 Hoàng Văn Thụ, Quận Tân Bình) là 30.643,3m². Cụ thể: khối Cơ khí 16.255,5m², khối Động lực đạt 8.238,85m²; khối Điện – Điện tử 2.030,4m²; khối CNTT – Thư viện 4.118,64m².

- Tại cơ sở II (xã Phú Hòa Đông, huyện Củ Chi) là 82.215m². Cụ thể: khối hành chính + lớp học: 25.180m², khối nhà xưởng thực hành 11.010m²; khối Trung tâm nghiên cứu khoa học 9.545m²; khối thư viện 7.810m²; khối ký túc xá 17.920m²; khối nhà ăn, phục vụ 8.050m². khu nhà ở công vụ CB- GV – CNV 2.700m².

– Đầu tư bổ sung máy móc thiết bị hiện đại cho 3 khoa được xác định là ngành mũi nhọn của nhà trường: Điện - Điện tử, Cơ khí và Động lực. Song song đó, để duy trì hoạt động dạy học thường xuyên và từng bước củng cố 03 ngành còn lại là điện lạnh, công nghệ thông tin và công nghệ may thời trang phù hợp với mục tiêu, qui mô phát triển trường trở thành trường trọng điểm của khu vực, nhà trường cũng tiến hành đồng thời trang bị theo lộ trình, thứ tự ưu tiên, mức độ cần thiết để hoàn thành nhiệm vụ của chiến lược đề ra

– Trang bị phần mềm quản lý thư viện để phát triển, làm hạt nhân cho việc phát triển toàn bộ hệ thống thông tin thích hợp của Thư viện, có khả năng tạo ra trên mạng máy tính một môi trường cho phép những bộ phận có chức năng nghiệp vụ khác nhau trong thư viện cộng tác, phối hợp làm việc theo một tiến trình xử lý hợp lý, ăn khớp với tiến trình xử lý trong thực tế. Phần mềm quản lý bao gồm các module: Module Bổ sung ấn phẩm, Module Biên mục dữ liệu, Module Quản lý bạn đọc, Module Mượn/trả ấn phẩm, Module Tra cứu ấn phẩm (OPAC), Module Quản lý người dùng.

– Xây dựng kho tư liệu điện tử nhằm mục đích cung cấp thông tin điện tử đến các đơn vị, sinh viên, cán bộ ... trong cộng đồng bạn đọc, song song cùng với các dạng thông tin cổ điển khác, từng bước đưa hệ thống thông tin của thư viện phục vụ cho các mục đích cung cấp thông tin, trở thành một thư viện điện tử, với nhiều phương pháp cung cấp thông tin khác nhau. Kho tư liệu điện tử và hệ thống phần mềm quản lý kho bao gồm các nội dung sau: Lựa chọn khuôn dạng chung (Dữ liệu dạng văn bản, bao gồm ký tự (text) và hình ảnh tĩnh (graphic); Dữ liệu dạng âm thanh, phim ảnh); Chuyển đổi các dữ liệu sẵn có ở dạng điện tử; Xây dựng cơ chế quản lý tư liệu trong kho dữ liệu (Quản lý thông tin thư mục

của tư liệu; Quản lý nội dung của tư liệu); Xây dựng giao diện với người sử dụng để khai thác kho tư liệu điện tử; Xây dựng cơ cấu bổ sung tư liệu vào kho tư liệu điện tử.

- Chuyển đổi dữ liệu biên mục hiện có (theo chuẩn thư viện quốc gia) thành các bản ghi theo chuẩn MARC.

- Đưa được hệ thống OPAC lên mạng.

- Tin học hóa các hoạt động nghiệp vụ khác của thư viện theo từng nghiệp vụ: Nghiệp vụ bổ sung; Nghiệp vụ quản lý bạn đọc; Nghiệp vụ quản lý mượn - trả (lưu thông ấn phẩm trong thư viện).

- Xây dựng kho mở theo chuẩn thư viện mở hiện đại: Xếp ấn phẩm trên giá theo phân loại nội dung (sử dụng khung phân loại Dewey Decimal -- DDC); triển khai lắp đặt các thiết bị an ninh thư viện gồm công từ tính tại lối ra kho mở và máy khử từ, nhiễm từ tại bàn thủ thư.

- Xây dựng các tiến trình nghiệp vụ: Tiến trình bổ sung ấn phẩm; Tiến trình nhập kho; Tiến trình lưu kho; Tiến trình khai thác trực tuyến; Tiến trình mượn trả với kho mở; Tiến trình mượn trả với kho đóng; Tiến trình quản lý bạn đọc.

- Trang bị hạ tầng cơ sở cho hệ thống thông tin, bao gồm máy chủ, máy trạm, thiết bị phục vụ thư viện mở (Công từ, Máy nhiễm/khử từ, Vật liệu từ, Camera giám sát, Màn hình giám sát, Thiết bị chia, trộn hình ảnh từ camera giám sát, Bàn điều khiển camera giám sát...) và các thiết bị phụ trợ (Các thiết bị lưu trữ bên ngoài, Hệ thống cung cấp nguồn điện và lưu điện, máy in, máy photocopy, máy quét, máy ảnh số, camera số, các thiết bị nghe nhìn).

- Tăng cường trang bị các tài liệu truyền thông theo nhu cầu của các khoa, phòng chức năng, đặc biệt bổ sung các tài liệu kỹ thuật chuyên ngành của nước ngoài.

2.4 Nhóm chiến lược “Phát triển nguồn lực tài chính - các chế độ chính sách”

a. Chiến lược và biện pháp tăng nguồn lực tài chính

- Huy động mọi nguồn lực nhằm tạo nguồn tài chính dồi dào, đủ để bảo đảm chủ động thực hiện các chiến lược phát triển nhà trường.

- Đổi mới tài chính, nâng cao tính tự chủ cho các phòng, khoa làm nghiên cứu khoa học. hướng đến xây dựng cơ chế rõ ràng, chuyên nghiệp khuyến khích sự hợp tác giao lưu nhằm mang về các dự án liên kết lớn, có giá trị cao đối với trường, đẩy mạnh được nguồn thu dồi dào và đầy tiềm năng này.

- Tin học hóa triệt để công tác quản lý tài chính, công khai các khoản thu, chi tài chính tạo sự đoàn kết thống nhất trong nhà trường.

- Tăng cường hợp tác với các trường cao đẳng trong và ngoài nước, trao đổi nhân lực và kinh nghiệm trong quản lý tài chính, đào tạo và nghiên cứu khoa học.

- Tập trung nguồn kinh phí tiếp tục xây dựng môi trường học tập với cơ sở vật chất đáp ứng theo tiêu chuẩn của các trường cao đẳng tiên tiến trong khu vực Đông Nam Á.

- Tăng cường xây dựng cơ sở vật chất, tăng cường trang thiết bị máy móc hiện đại đáp ứng yêu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học. Hình thành ngày càng nhiều phòng lý thuyết chuyên môn, phòng thực hành và xưởng thực tập hiện đại để có thể thực hiện các hoạt động đào tạo, trao đổi học thuật giữa giảng viên với giảng viên, giữa giảng viên với doanh nghiệp, cập nhật công nghệ mới và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học.

- Mở rộng các nguồn thu tài chính, đặc biệt là các nguồn thu từ nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Phân phối lợi ích theo nguyên tắc công khai, minh bạch trên cơ sở hiệu quả công tác của cán bộ, viên chức.

b. Các chế độ, chính sách

- Trường là đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính theo tinh thần Nghị định 43/2006/NĐ-CP và Thông tư số 71/2006/TT-BTC.

- Xây dựng phương án thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo quy định tại Nghị định này.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

- Tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng cán bộ, viên chức theo quy định của pháp luật; đảm bảo các chế độ, quyền lợi về tiền lương, tiền công, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ bồi dưỡng, đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn đối với người lao động của nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán, thống kê, quản lý tài sản theo đúng quy định của pháp luật, phản ánh đầy đủ, kịp thời toàn bộ các khoản thu, chi của đơn vị trong sổ sách kế toán. Thực hiện các quy định về chế độ thông tin, báo cáo hoạt động sự nghiệp của nhà trường theo quy định hiện hành.

- Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, quy chế công khai tài chính theo quy định hiện hành.

- Đề xuất và trình Hiệu trưởng giải pháp tăng thêm nguồn thu và phương án nhằm tăng nguồn thu cho Trường, điều tiết tăng các bồi dưỡng đào tạo cán bộ viên chức, tăng quỹ phúc lợi và quỹ thu nhập tăng thêm nhằm nâng cao các chỉ tiêu đời sống cho cán bộ - giáo viên - nhân viên.

c. Giải pháp thực hiện

- Tăng cường các hoạt động đào tạo và bồi dưỡng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động để tăng nguồn thu.

- Đẩy mạnh ưu tiên các hoạt động nghiên cứu khoa học ứng dụng, chuyển giao có thu.

- Đổi mới tư duy tài chính và cơ sở vật chất. Tăng cường hiệu quả công tác tài chính, quản lý tốt các nguồn thu, chủ động quản lý kế hoạch tài chính.

- Tiết kiệm các khoản chi phí để tập trung tài chính cho các chương trình phát triển của nhà trường.

– Lập dự án vay vốn ưu đãi, tranh thủ tối đa sự hỗ trợ tài chính của các chương trình, các tổ chức trong và ngoài nước.

– Xây dựng chiến lược và lộ trình cụ thể trong việc xây dựng, phát triển nhà trường đến năm 2020, chú trọng tính khả thi trong dự án chiến lược để thành phố và các cơ quan chức năng hỗ trợ, ghi vốn nhằm nhanh chóng thực hiện các hạng mục đúng tiến độ.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch chiến lược bao gồm: ngân sách nhà nước; hoạt động sự nghiệp của trường; sự hỗ trợ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1 Phòng Kế hoạch tài chính – Sở GD&ĐT

– Cân đối, bố trí ngân sách nhà nước hằng năm để thực hiện Kế hoạch chiến lược theo quy định của Luật ngân sách Nhà nước;

– Hướng dẫn đơn vị lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch chiến lược.

4.2 Phòng Tổ chức cán bộ - Sở GD&ĐT

– Tuyển dụng, luân chuyển, điều chuyển nhân sự đảm bảo nhu cầu và chất lượng đội ngũ để thực hiện Kế hoạch chiến lược;

– Theo dõi, hướng dẫn đơn vị trong việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ đạt và trên chuẩn quy định.

4.3 Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục – Sở GD&ĐT

Theo dõi, hướng dẫn đơn vị thực hiện việc kiểm định chất lượng giáo dục và công tác đảm bảo chất lượng giáo dục theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

4.4 Ban Quản lý đầu tư xây dựng các công trình thuộc Sở GD&ĐT

– Phối hợp với các Sở, Ngành thành phố thực hiện việc quy hoạch, đầu tư xây dựng cơ sở hiện tại và cơ sở 2 của đơn vị;

– Theo dõi, hướng dẫn đơn vị thực hiện việc cải tạo, xây dựng mới các công trình đúng quy định của Nhà nước.

4.5 Phòng Giáo dục Chuyên nghiệp và Đại học – Sở GD&ĐT

– Theo dõi, hướng dẫn hoạt động chuyên môn của đơn vị;

– Phối hợp với các Sở, Ngành thành phố thực hiện các nhiệm vụ về nghiên cứu khoa học, đào tạo theo nhu cầu xã hội theo định hướng Công nghiệp hóa – Hiện đại hóa;

– Tổ chức, bố trí, tạo điều kiện cho đơn vị tham gia các dự án hợp tác quốc tế trong đào tạo;

– Chủ trì phối hợp với các Phòng, Ban Sở GD&ĐT trong việc thực hiện các nội dung của Kế hoạch chiến lược.

Điều 2: Hiệu trưởng trường cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng căn cứ các nội dung được phê duyệt tại Điều 1, tiến hành xây dựng kế hoạch và lộ trình triển khai nhằm đảm bảo thực hiện các chỉ tiêu đã được duyệt. Trong quá trình thực hiện, sẽ điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu thực tế;

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông, Bà: Trưởng phòng Giáo dục Chuyên nghiệp và Đại học; Trưởng các phòng ban nêu tại điều 1 và Hiệu trưởng trường cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /s/

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, GDCN&ĐH (K/CTh) – 9b. /

GIÁM ĐỐC



Lê Hồng Sơn